

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 72 /2017/HSST

Ngày 25/9/2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : **Bà Nguyễn Thị Hải Lý**
- Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Tiến Sang

2. Bà Nguyễn Thị Nhiều

- Thư ký phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Tho** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoài** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2017/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 4/12. Con ông: Nguyễn Văn M, sinh năm 1963 và bà Ngô Thị Y, đã chết. Bị cáo chưa có vợ và con. Tiền sự: không

- Tiền án: 03.

+ Bản án số 61/2007/HSST ngày 07/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xử phạt 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2007 về tội “Trộm cắp tài sản”. Tài sản trộm cắp trị giá: 2.000.000 đồng. Đã chấp hành xong hình phạt tù và trách nhiệm dân sự ngày 06/8/2007.

+ Bản án số 18/2008/HSST ngày 12/3/2008 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xử phạt 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/3/2008 về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tài sản chiếm đoạt trị giá 2.850.000 đồng. Đã chấp hành xong hình phạt tù. Về trách nhiệm dân sự của bản án hiện trong hồ sơ lưu trữ không còn.

+ Bản án số 17/2010/HSST ngày 29/3/2010 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xử phạt 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2009 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tài sản chiếm đoạt 16.500.000 đồng. Đã chấp hành xong hình phạt tù, phần án phí và truy thu sung công Nguyễn Văn S chưa thi hành.

Nhân thân: học đến hết lớp 4/12. Sau đó ở nhà lao động tự do. Quyết định số 962/QĐ ngày 17/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đưa vào trường giáo dưỡng. Chấp hành xong vào ngày 17/5/2015.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

2. Trịnh Ngọc H, sinh năm 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh L.

Chỗ ở : xóm 13, thôn T, xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 4/12. Con ông: Trịnh Ngọc H, sinh năm 1951 và bà Tô Thị N, sinh năm 1955. Có vợ là: Lê Thị P, sinh năm 1989. Con có 01 con, sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

(Bị cáo S và H trích xuất có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1956

Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã S, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

(ông T, anh D có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 19/6/2017, Nguyễn Văn S đang đi bộ ở cánh đồng thuộc địa phận thôn L, xã T, huyện Vũ Thư thì phát hiện có 03 con bò đang ăn cỏ trên cánh đồng, quan sát thấy không có ai ở ai trông coi, S nảy sinh ý định trộm cắp bò để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nguyễn Văn S đi lại gần con bò cái, lông màu vàng, nặng 200kg, trị giá 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) của ông Nguyễn Xuân T trên mũi con bò có dây thừng bằng nylon dạng xoắn, một đầu dây vào mũi bò, một đầu thả dưới đất. S dùng tay phải cầm dây thừng dắt bò đi theo đường ruộng được khoảng 01 km đến cánh đồng thuộc địa phận thôn K, xã S, huyện Vũ Thư, cộc bò vào bụi cỏ. Sau đó S đi bộ đến nhà anh Đỗ Văn D ở thôn K, xã S, huyện Vũ Thư để mượn xe máy

đưa bò đi tiêu thụ, S đi được khoảng 800m thì gặp anh D đang cày ở đồng. Khi gặp anh D, S nói “*Anh cho em mượn xe đến nhà ông Phạm Văn T uống bia*”, anh D đồng ý rồi cùng S đi về nhà lấy xe mô tô biển số đăng ký 17H3 -XXXX đưa cho S mượn. Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 17H3 -XXXX đến nhà anh Trịnh Văn M, sinh năm 1974, trú tại thôn B, xã V, thành phố Thái Bình thì gặp Trịnh Ngọc H là bạn mới quen đang chơi nhà anh M. S nói với H “*Vừa bắt được con bò*”, H hiểu ý là S nói vừa trộm cắp được bò, H không nói gì, S nói tiếp “*Anh em mình đi bán*”, H đáp “*Để tao cầm lái cho*”, H điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 17H3 -XXXX chở S đi từ xã V theo hướng trường mầm non xã T sang xã S. Khi đến cánh đồng thôn K, xã S, huyện Vũ Thư, H đứng trên đường coi xe, S đi xuống chỗ cọc con bò trộm cắp dắt bò lên đường rồi H điều khiển xe chở S ngồi sau dắt bò với mục đích về khu vực chợ T thuộc xã H, huyện Vũ Thư để bán bò. Khi S và H dắt bò về đến gần cổng chợ T thuộc xã H thì anh D đến đòi xe mô tô biển số đăng ký 17H3 -XXXX. S trả xe cho anh D rồi dắt bò cọc vào biển báo giao thông ở gần cổng chợ T, cùng H vào quán nước của Chị Trần Thị G, sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã H, huyện Vũ Thư uống nước và hỏi thăm nơi mua bò. Sau đó S và H đến nhà ông Bùi Văn H, sinh năm 1962, trú tại thôn Q, xã H, huyện Vũ Thư và nhà ông Bùi Văn T, sinh năm 1965, trú tại thôn L, xã H, huyện Vũ Thư gạ bán bò nhưng ông H và ông T không mua. S và H dắt bò đến quán bia bên đường đối diện với cổng chợ T, cọc bò vào gốc cây hòe ở vỉa hè rồi cả hai ngồi uống bia thì bị lực lượng công an xã H phát hiện đưa về trụ sở làm việc.

Kết luận định giá tài sản số 26/KLHD ngày 21/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư kết luận:

“01 con bò cái lông màu vàng, nặng 200 kg đang phát triển bình thường, có giá trị tại thời điểm định giá là 18.000.000 đồng”

Tại bản cáo trạng số 76/KSĐT ngày 05/9/2017 của VKSND huyện Vũ Thư truy tố Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và Trịnh Ngọc H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố :

Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Bị cáo Trịnh Ngọc H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Đối với Nguyễn Văn S:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 23/6/2017.

- Đối với Trịnh Ngọc H:

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc H từ 06 - 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/7/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì các bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập và không có tài sản.

* Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1956, trú tại: thôn L, xã T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình: 01 con bò cái, lông màu vàng, nặng 200 kg là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Xuân T.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo S: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo H: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vũ Thư, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là chứng cứ buộc tội lẫn nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã mô tả và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như:

- Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1956, trú tại thôn L, xã T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Biên bản quản lý đồ vật, tài sản do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 19/6/2017 tại trụ sở Công an huyện Vũ Thư.

- Biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình lập hồi 09 giờ ngày 20/6/2017 tại cánh đồng thôn L, xã T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Kết luận định giá tài sản số 26/KLHD ngày 21/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư kết luận:

“01 con bò cái lông màu vàng, nặng 200 kg đang phát triển bình thường, có giá trị tại thời điểm định giá là 18.000.000 đồng”.

- Biên bản ghi lời khai người có quyền liên quan anh Đỗ Văn D, sinh năm 1980 trú tại Thôn K, xã S, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng: ông Bùi Xuân T, sinh năm 1965, trú tại L, xã H, huyện Vũ Thư; ông Bùi Văn H, sinh năm 1962, trú tại thôn Q, xã H và chị Trần Thị G, sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 19/6/2017, Nguyễn Văn S, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Nguyễn Xuân T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 con bò cái, lông màu vàng, nặng khoảng 200 kg, trị giá 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) của ông T. Sau khi trộm cắp được bò Nguyễn Văn S đã rủ Trịnh Ngọc H đưa bò đi tiêu thụ. Trịnh Ngọc H biết rõ con bò do S trộm cắp mà có nhưng đã cùng S đưa bò đi bán, mục đích bán lấy tiền cùng chi tiêu cá nhân.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và Trịnh Ngọc H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét hành vi của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an

và an toàn xã hội. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của ông Nguyễn Xuân T trộm cắp 01 con bò cái, lông màu vàng, nặng khoảng 200 kg, trị giá 18.000.000 đồng sau đó cùng Trịnh Ngọc H mang đi tiêu thụ.

Xét hành vi của Trịnh Ngọc H thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội. Bị cáo đã biết con bò cái, lông màu vàng nặng khoảng 200kg là tài sản do S phạm tội mà có nhưng đã cùng S mang đi bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của các bị cáo:

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xét đến nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo S có nhân thân xấu. Bị cáo H có nhân thân tốt

Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của các bị cáo thì thấy: Bị cáo S đã có 03 tiền án. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện và tu dưỡng bản thân. Với bản tính lười lao động, ham chơi, bị cáo đã tái phạm nhưng chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục vi phạm. Chứng tỏ bị cáo là đối tượng khó cải tạo, giáo dục, coi thường pháp luật.

Song sau khi phạm tội S khai báo thành khẩn. Vì vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo cũng là thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam ta.

Đối với bị cáo H không có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Do vậy HĐXX cũng cần áp dụng điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa, cải tạo và trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo S và H không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo S và H. Hội đồng xét xử xét thấy: cần phải xử lý nghiêm minh, buộc các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời có tác dụng chung trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

*** Về hình phạt bổ sung:** theo quy định tại khoản 5 điều 138 Bộ luật hình sự quy định: “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*”.

Theo quy định tại khoản 5 điều 250 Bộ luật hình sự quy định: “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này*”.

Vì các bị cáo S và H không có công việc ổn định, không có thu nhập và không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Xuân T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa hôm nay ông T không còn yêu cầu gì khác về phần bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không đặt ra giải quyết.

[6] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- 01 con bò cái, lông màu vàng, nặng 200 kg, tài liệu điều tra xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1956, trú tại thôn L, xã T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Xét thấy không cần thiết phải tiếp tục quản lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư đã trả lại cho ông T (*tại biên bản trả tài sản ngày 20/6/2017*).

Xét việc xử lý vật chứng phù hợp quy định của khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với anh Đỗ Văn D, sinh năm 1980, trú tại: thôn K, xã S, huyện Vũ Thư là người cho Nguyễn Văn S mượn xe mô tô biển số đăng ký 17H3-XXXX. S đã dùng xe mô tô trên để cùng H đưa bò đi tiêu thụ, nhưng anh D không biết S mượn xe để đưa con bò trộm cắp đi tiêu thụ nên không có căn cứ xử lý đối với anh D là phù hợp .

Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có 15 ngày kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Trịnh Ngọc H phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn S 03(Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/6/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Trịnh Ngọc H 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/7/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Xuân T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa hôm nay ông T không còn yêu cầu gì khác về phần bồi thường dân sự nên không đặt ra giải quyết.

3. Về vật chứng, xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 42 - Bộ luật hình sự; Điều 76 - Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1956, trú tại thôn L, xã T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình: 01 con bò cái, lông màu vàng, nặng 200 kg (*Tại biên bản trả tài sản ngày 20/6/2017*).

4. Án phí: Áp dụng khoản 1, 2 điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí tòa án mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Án xử công khai, sơ thẩm. Có mặt các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/9/2017

Nơi nhận :

- Công an huyện Vũ Thư;
- VKSND huyện Vũ Thư;
- Chi cục THA dân sự huyện Vũ Thư;
- Bị cáo; Người bị hại; Người LQ
- Sở TP; TAND tỉnh TB
- Lưu HS; Lưu HCTP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)